

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HS-ST

Ngày: 14 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết M

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Văn Đoạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Minh S, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 559/18 N, khu phố B, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Minh và bà Phạm Thị Tuyết M; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 29/6/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 (hai) năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 144/2017/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 11/9/2018 và đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa. Bị cáo tự bào chữa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Ha, sinh năm 1986; HKTT: Tổ 3, ấp Kinh B, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Minh Tr, sinh năm: 1995; HKTT: Tổ 8, ấp Kinh B, xã A, huyện T, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ 6, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang

(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Châu Kim L, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 308/6 đường C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bà Phạm Thị Tuyết M; địa chỉ: Số 559/18 N, khu phố B, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người làm chứng: Ông Vũ Tiến Si, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 12/3/2022, Phạm Minh S từ nhà trọ ở đường Nguyễn Trung Trực, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đi xe khách đến xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang để tìm ghe xin đi ngư phủ. Sau nhiều giờ không tìm được ghe, S vào quán uống nước và mượn điện thoại di động của khách uống nước điện về cho vợ là chị Châu Kim L, kêu chị L chạy xe mô tô biển kiểm soát 68G1-133.46 từ thành phố R lên chở S về, chị L đồng ý. Sau khi gặp S, chị L giao xe mô tô cho S điều khiển chở chị ngồi sau chạy về hướng thành phố R, khi xe chạy được khoảng 03 km thì S phát hiện bên lề đường trái (mé sông) có chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 68T1-010.95, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, S màu trắng đen, có chìa khóa xe còn cắm trên ổ khóa xe, xe đang đậu ở cổng nhà ông Vũ Tiến Si tại ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang thì S nảy sinh ý định trộm cắp chiếc đem bán lấy tiền tiêu xài (chủ sở hữu chiếc xe này là chị Nguyễn Thị Ha, chị Ha gửi cho anh Trần Minh Tr sửa, anh Tr sửa xong thì chạy thử và đỗ xe vào nhà ông Si để hỏi công việc). S liền quay đầu xe chạy ngược lại khoảng 200 mét thì dừng lại giao xe 68T1-010.95 cho chị L, kêu chị L chạy xe về Rạch Giá trước, còn S đến nhà người quen xin việc làm tiếp, xong rồi về sau. Lúc này khoảng 17 giờ cùng ngày, S quan sát xung quanh thấy không có người, S liền đi bộ đến xe 68T1-010.95 mở khóa xe và chạy xe về hướng R, tỉnh Kiên Giang, lúc này anh Tr phát hiện và mượn xe mô tô của anh Si chạy rượt đuổi theo S, chạy được khoảng hơn 03km, do S chạy xe vừa trộm được quá nhanh, tránh xe ô tô ngược chiều nên bị ngã xuống đường, anh Tr và người dân bắt được S cùng tang vật giao cho lực lượng Công an xử lý theo quy định. Quá trình làm việc S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Do hành vi phạm tội ít nghiêm trọng nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H cho gia đình bảo lãnh S, nhưng sau đó S vi phạm nghĩa vụ được bảo lãnh, bỏ địa phương đi nơi khác, gây khó khăn cho việc điều tra, vì vậy Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra lệnh truy nã và bắt bị can tạm giam từ ngày 09/8/2022 cho đến nay.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐGTS ngày 08/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận chiếc xe mô tô biển số 68T1-010.95, tại thời điểm ngày 12/3/2022 có giá trị 9.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh Tr không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Về việc thu giữ và xử lý tang vật vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô biển số 68T1 – 010.95, đã trả lại xe trên cho chủ sở hữu cho chị Nguyễn Thị H (chị H ủy quyền cho anh Trần Minh Tr nhận), theo Quyết định xử lý vật chứng số 02/QĐ-CSĐT ngày 28/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H.

Tại Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 26/10/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Phạm Minh S về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Minh S từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Do bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với chị Châu Kim L là người chạy xe rước bị cáo S, việc S lấy trộm xe của chị Ha, chị L không biết nên không đồng phạm với S trong vụ án này.

- Về xử lý vật chứng: Tài sản bị trộm cắp là đã giao trả cho người bị hại nên đề nghị miễn xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị trộm cắp đã giao trả cho người bị hại là chị Nguyễn Thị Ha và yêu cầu bị cáo S bồi thường tiền sửa lại xe sau khi S chạy xe bị té làm hư hỏng một số bộ phận xe là 2.005.000 đồng, ngày 07/11/2022, mẹ bị cáo bà Phạm Thị Tuyết M đã nộp bồi thường thay cho bị cáo 2.000.000 đồng và người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị miễn xét.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và trên cơ sở xem xét toàn diện, khách quan vật chứng của vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào 17 giờ ngày 12/3/2022, tại Tổ 6, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang, Phạm Minh S đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe mô tô biển số 68T1-010.95 của bà Nguyễn Thị Ha thì bị ông Trần Minh Tr phát hiện rượt đuổi theo bắt quả tang. Theo kết quả định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì giá trị tài sản bị trộm cắp là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng). Theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Như vậy, hành vi của bị cáo lén lút mở khóa xe mô tô biển số 68T1-010.95 và chạy xe đi, nhằm mục đích trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử xét xử bị cáo S về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Bị cáo là người trưởng thành, có đủ nhận thức để biết quyền sở hữu tài sản

hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo vệ và Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp quyền sở hữu tài sản của người khác, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, sử dụng tài sản không phải bỏ công sức lao động, bị cáo S đã trộm cắp chiếc xe mô tô biển số 68T1-010.95 của chị Nguyễn Thị Ha có trị giá 9.000.000 đồng. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, biết quý trọng sức lao động của bản thân và của người khác.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và xét xử, bị cáo S thành khẩn khai báo, mặc dù gia đình bị cáo rất khó khăn nhưng bị cáo đã tích cực động viên mẹ bị cáo hoàn trả số tiền sửa chữa xe bị hư hỏng do quá trình bị cáo chạy xe trộm cắp được bị té làm hư hỏng một số bộ phận xe, bị hại chị Nguyễn Thị Ha đồng ý nhận và không có yêu cầu gì nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại phiên tòa, bị hại chị Nguyễn Thị Ha xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh của bị cáo neo đơn, có mẹ già và con nhỏ, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, do đó xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Về số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) bà Phạm Thị Tuyết M nộp khắc phục thiệt hại cho bị hại thay cho bị cáo, bà M xác định cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo trả lại nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Xét lời luận tội của vị đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Ha đã nhận lại tài sản trộm cắp là chiếc xe mô tô biển số 68T1-010.95 và đồng ý nhận số tiền khắc phục sửa chữa xe của bị cáo là 2.000.000 đồng, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Chị Ha được nhận số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) do bị cáo Phạm Minh S nộp khắc phục thiệt hại theo biên lai thu tạm ứng số 0001252 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án huyện H (do bà Phạm Thị Tuyết M nộp thay).

[8] Về xử lý vật chứng: Tài sản bị trộm cắp đã trả lại cho người bị hại, theo

Quyết định xử lý vật chứng số 02/QĐ-CSĐT ngày 28/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299 và khoản 6, Điều 326, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Minh S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: khoản 1, Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh S 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Ha không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

Chị Ha được nhận số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) do bị cáo Phạm Minh S nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0001252 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án huyện H (do bà Phạm Thị Tuyết M nộp thay).

4. Về xử lý vật chứng: Tài sản bị trộm cắp đã trả lại cho người bị hại, theo Quyết định xử lý vật chứng số 02/QĐ-CSĐT ngày 28/4/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Phạm Minh S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Châu Kim L, bà Phạm Thị Tuyết M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh Tr vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan CSĐT CA huyện H;
- Nhà tạm giữ CA huyện H;
- Phòng Hộ tịch Sở Tư pháp tỉnh;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết M